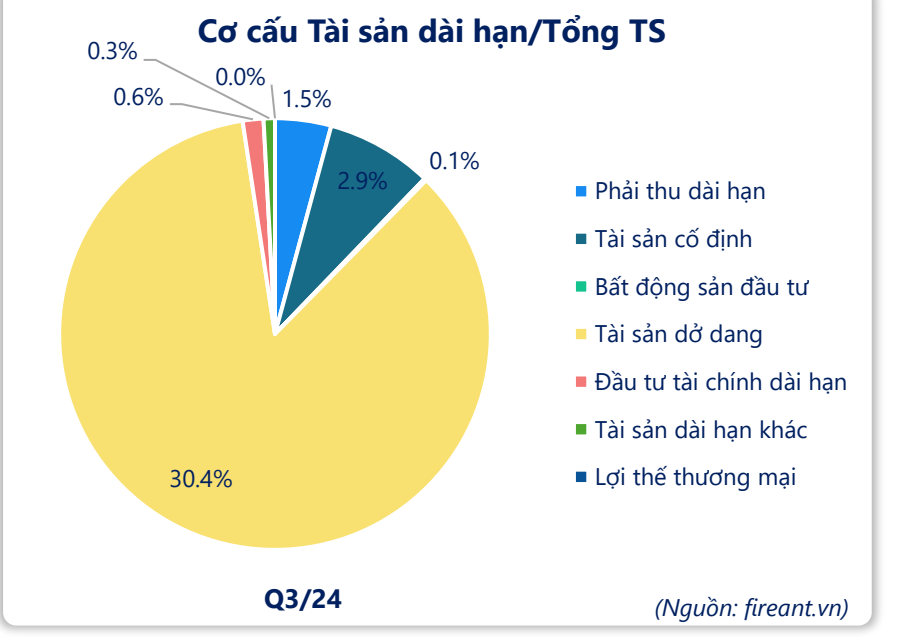
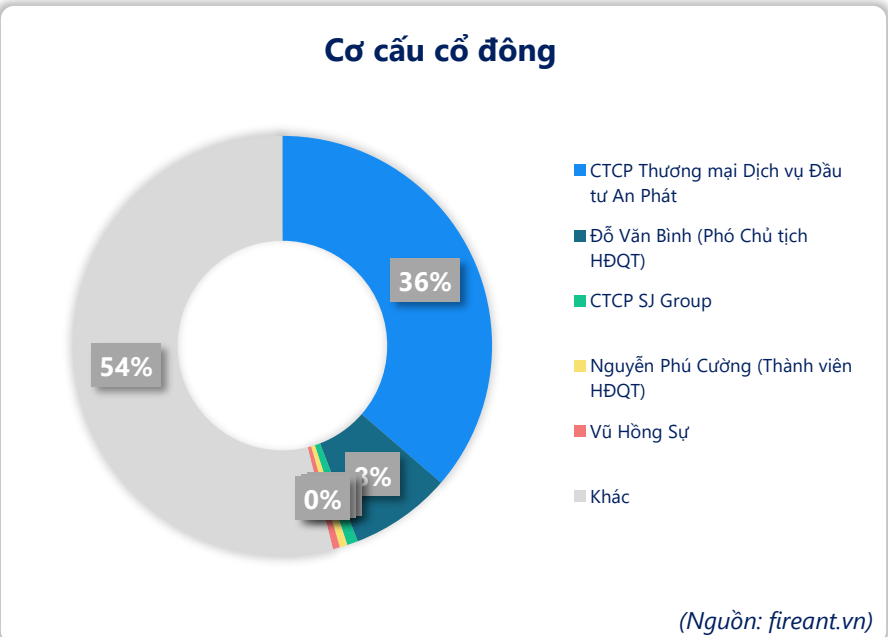
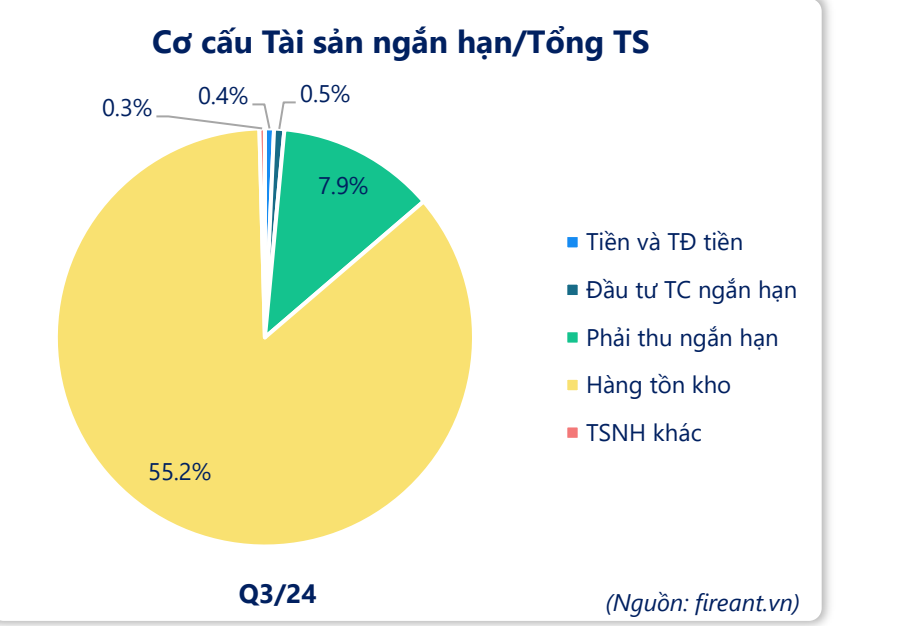
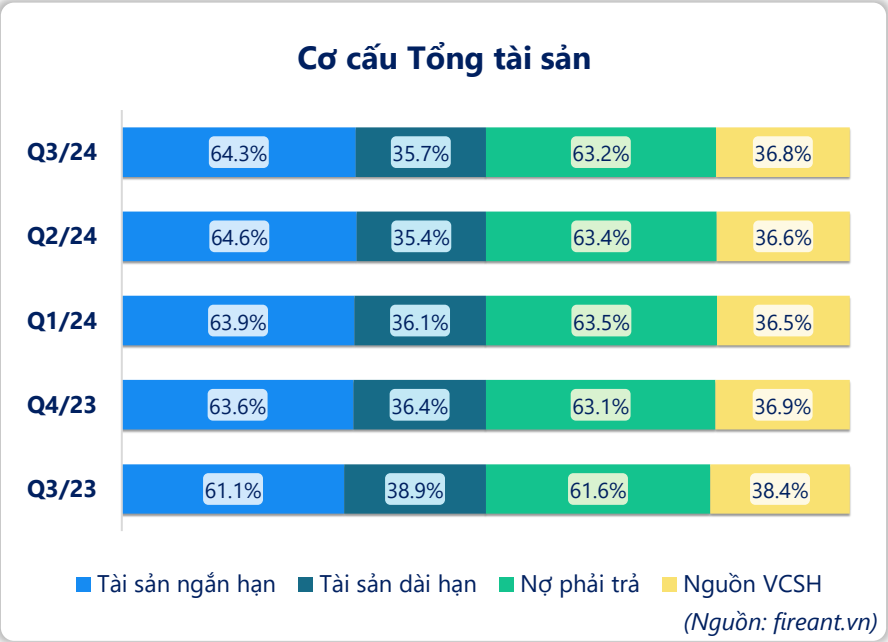
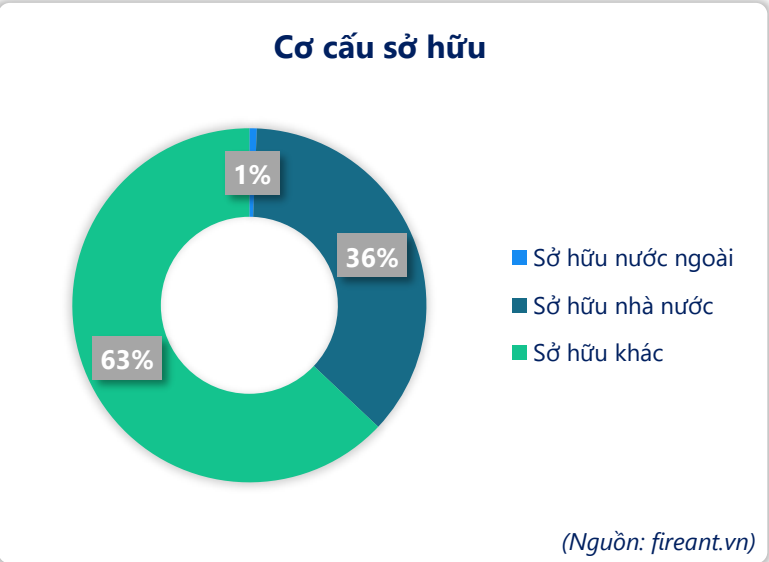
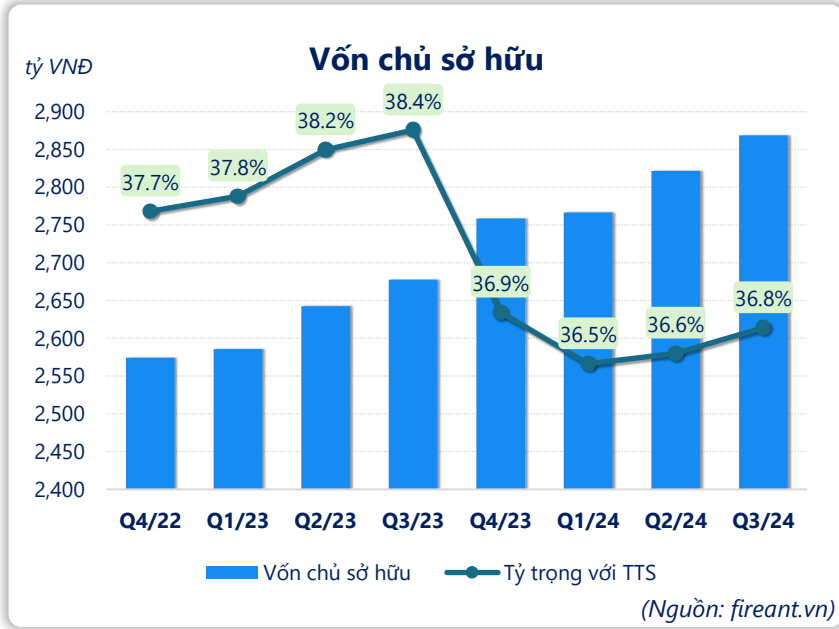
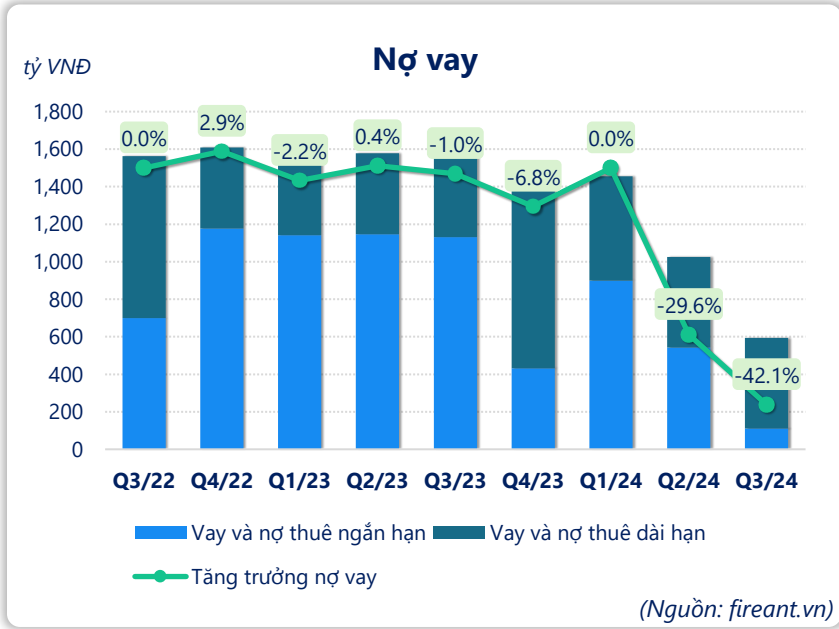
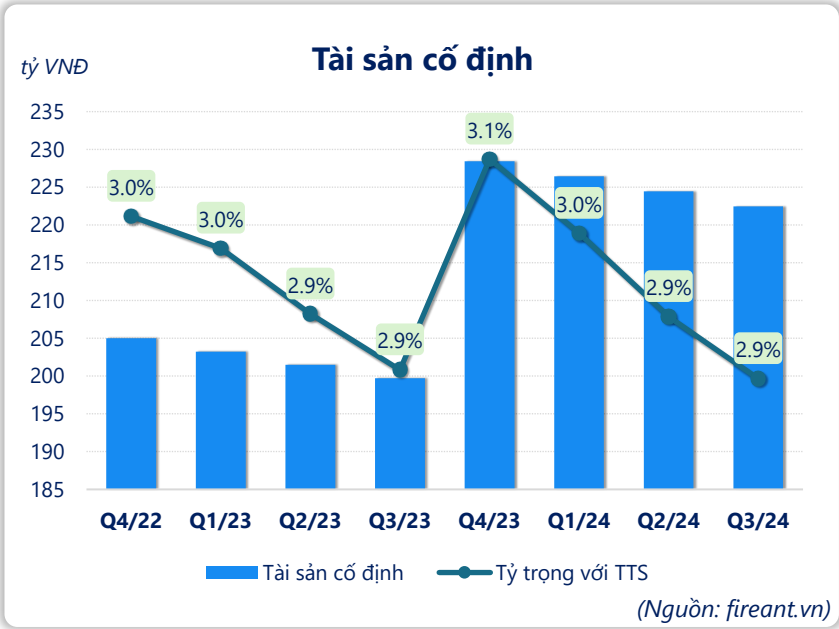
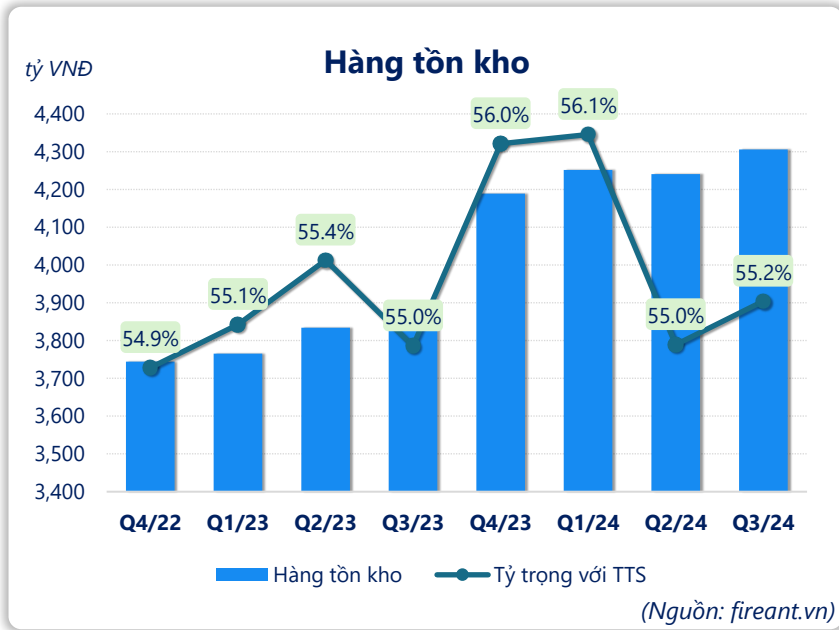
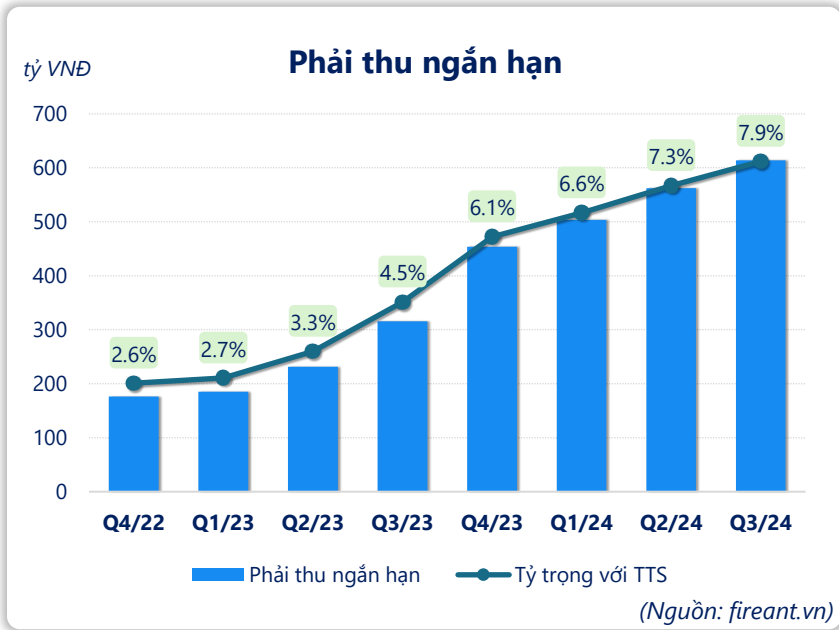
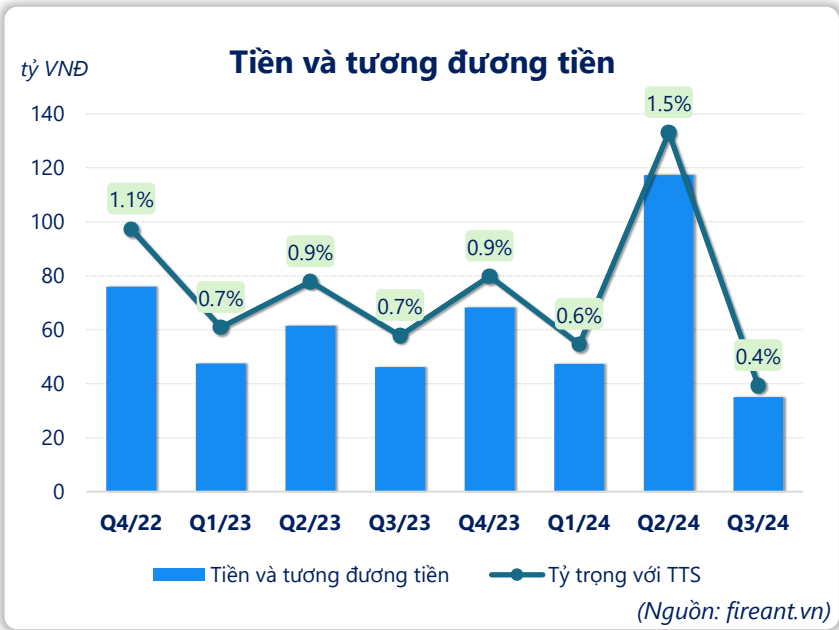
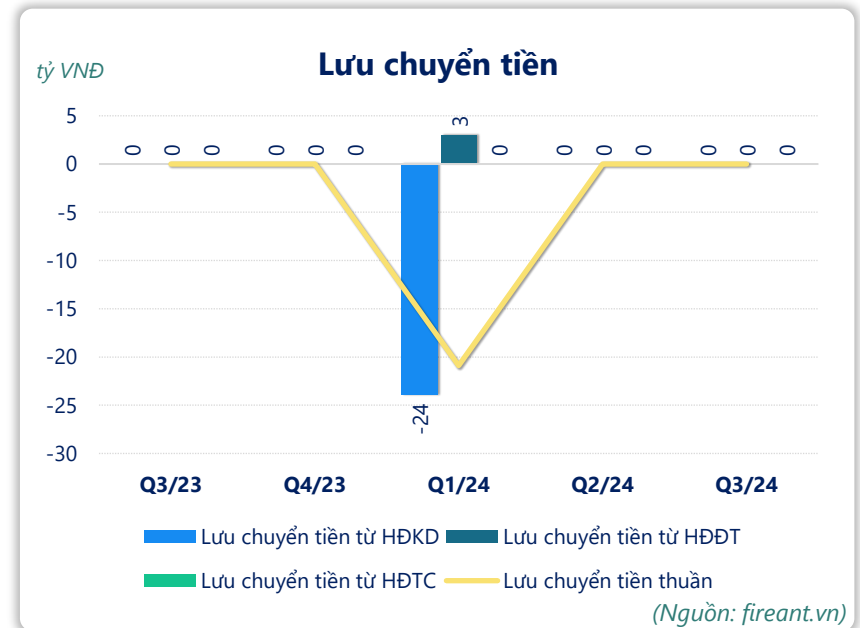
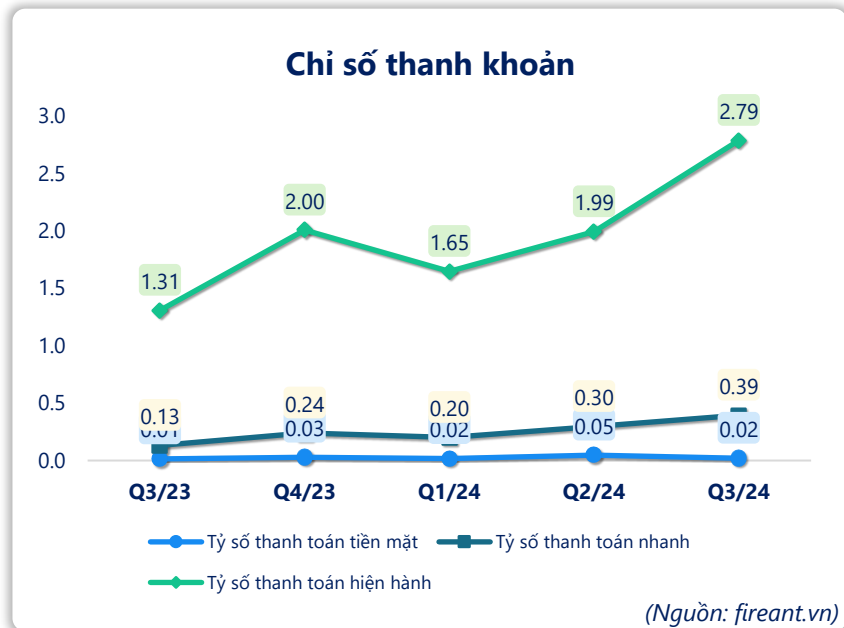
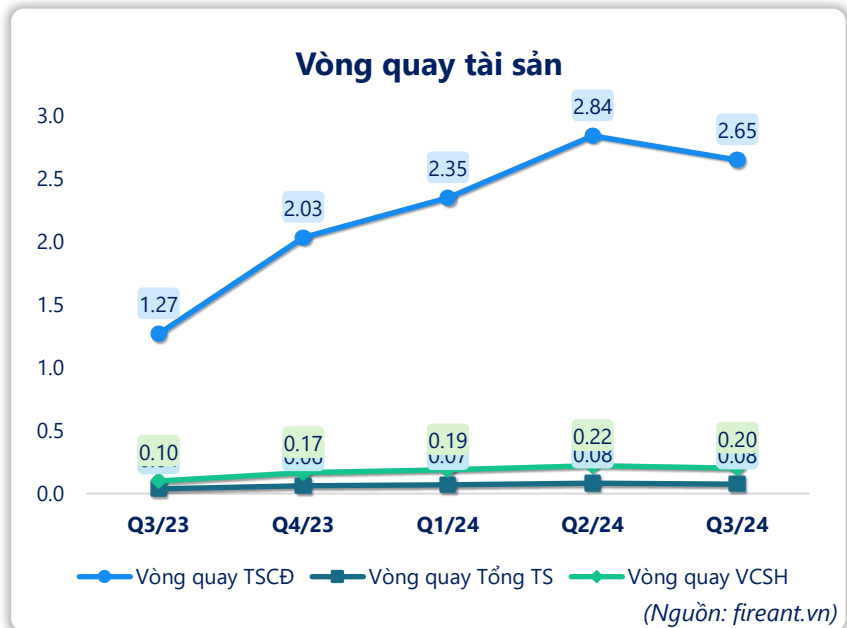
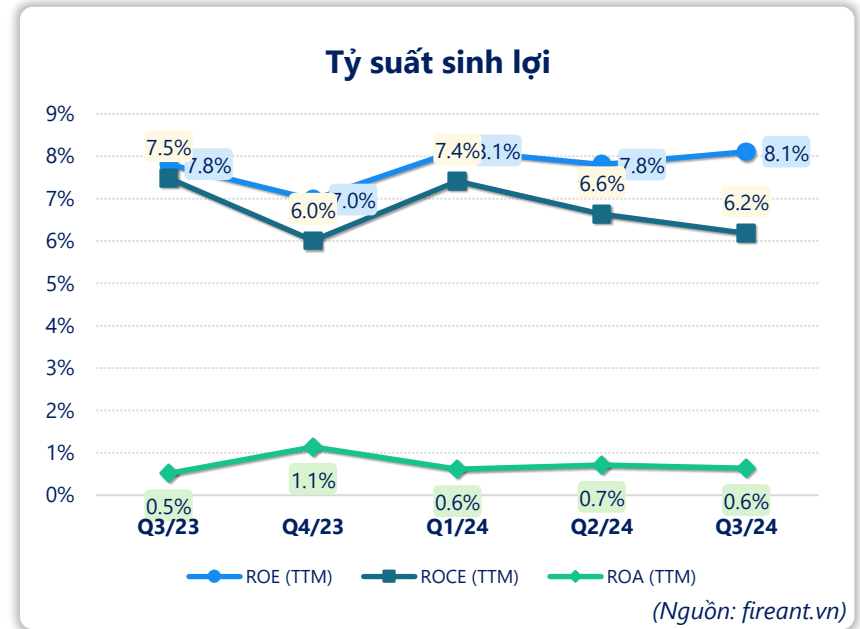
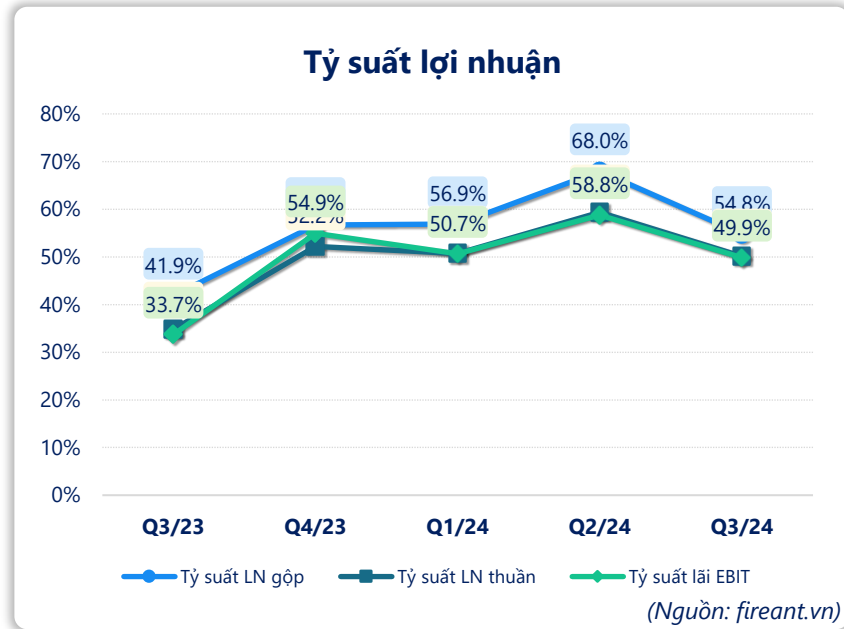
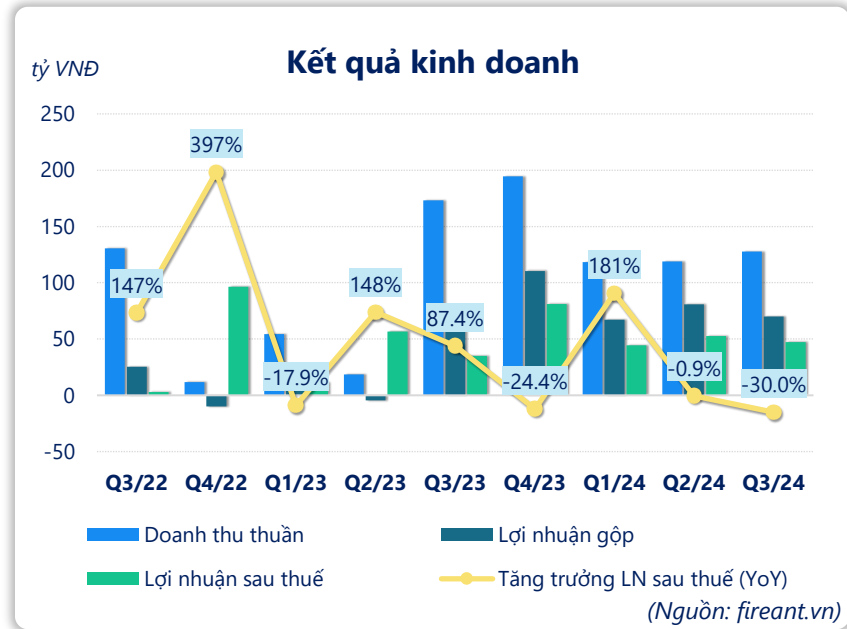


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		69,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		79,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		55,200
SL cổ phiếu LH		113,897,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)		369,746
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		7,882
P/E		35.1
EPS		1,974

	YTD	1T	3T	6T
SJS	-1.1%	-1.4%	11.1%	-5.5%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	7,799	7,474	4.3%
Tài sản ngắn hạn	5,015	4,750	5.6%
Tiền và tương đương tiền	35.0	68.2	-48.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.6	24.5	62.0%
Phải thu ngắn hạn	614	454	35.2%
Hàng tồn kho	4,306	4,182	2.9%
Tài sản ngắn hạn khác	21.2	20.5	3.5%
Tài sản dài hạn	2,784	2,724	2.2%
Phải thu dài hạn	117	117	0.0%
Tài sản cố định	222	228	-2.6%
Bất động sản đầu tư	4.59	5.06	-9.4%
Tài sản dở dang	2,373	2,292	3.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	43.3	53.3	-18.8%
Tài sản dài hạn khác	23.6	28.4	-16.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,930	4,712	4.6%
Nợ ngắn hạn	1,801	3,058	-41.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	111	899	-87.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	114	141	-19.5%
Nợ dài hạn	3,130	1,655	89.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	482	556	-13.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,869	2,762	3.9%
Vốn chủ sở hữu	2,869	2,762	3.9%
Vốn điều lệ	1,149	1,149	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	173	195	118	119	128
Giá vốn hàng bán	101	84.3	51.0	38.0	57.7
Lợi nhuận gộp	72.6	110	67.3	80.8	70.0
Doanh thu HĐTC	0.63	1.79	0.54	2.68	0.99
Chi phí TC	-0.93	0.72	-1.64	2.22	-1.47
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.60	0
LN trong công ty LKLD	0	-0.06	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	1.21	0.55	0.56	0.46
Chi phí QLDN	13.9	8.56	8.92	10.1	8.00
LN thuần từ HĐKD	60.3	102	60.0	70.5	64.0
Lợi nhuận khác	-1.87	5.35	-0.08	-1.30	-0.33
LN trước thuế	58.4	107	59.9	69.2	63.6
Lợi nhuận sau thuế	35.0	81.2	44.3	52.7	47.3
LNST của CĐ cty mẹ	35.4	81.5	44.1	52.3	47.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	-23.9	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	3.01	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	68.2	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	-20.9	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	47.3	0	0

(Nguồn: fireant.vn)